

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2023

V/v: Ly hôn giữa
chị H và anh N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1996; có mặt.

Đăng ký HKTT: tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: tổ dân phố D, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn N, sinh năm 1984; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-02-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: chị kết hôn với anh Phạm Văn N do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 11-3-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tình tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng lấy nhau

lâu không có con, từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau, mặc dù đã cố gắng khắc phục bằng mọi cách nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 9 năm 2022, chị không khắc phục được đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: chị và anh N không có con chung.

Về chia tài sản: chị và anh N không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2023, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn N trình bày: anh và chị Đỗ Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 11-3-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm và sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nay chị H có đơn khởi kiện ly hôn, anh đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về nuôi con chung: không có.

Về chia tài sản: anh và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các lần triệu tập, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: về hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị Thu

H được ly hôn anh Phạm Văn N; về nuôi con chung: không có; về chia tài sản: chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* chị Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Anh N đang cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh N có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: chị Đỗ Thị Thu H và anh Phạm Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà vào ngày 11-3-2019 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau. Vợ chồng chị H, anh N đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị H, anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: không có.

[5] Về chia tài sản: chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Phạm Văn N.
2. Về nuôi con chung: không có.
3. Về chia tài sản: chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004067 ngày 22-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ tiền án phí).
5. Quyền kháng cáo: chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên